

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP TẠI TỈNH CAO BẰNG GẮN VỚI CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU UNESCO NON NƯỚC CAO BẰNG

Phùng Ngọc Trường¹*, Ngô Huy Kiên²,
Ngô Trần Quốc Khánh³, Vũ Linh Chi⁴, Lưu Thị Toán⁵

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích đề xuất giải pháp xuất phát từ đánh giá nhu cầu của khách du lịch đối với loại hình du lịch nông nghiệp tại tỉnh Cao Bằng gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng thông qua việc sử dụng một số phương pháp nghiên cứu bao gồm: (1) Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; (2) Phương pháp phân tích và xử lý số liệu gồm phương pháp phân tích thống kê mô tả các chỉ số trung bình, độ lệch chuẩn, tứ phân vị; phương pháp phân tích tương quan. Kết quả cho thấy, nhu cầu du lịch nông nghiệp tại tỉnh Cao Bằng khá đa dạng. Đối tượng có nhu cầu trải nghiệm du lịch nông nghiệp chủ yếu là học sinh, sinh viên và đối tượng từ 31 - 50 tuổi đã có thu nhập ổn định. Các hoạt động du lịch nông nghiệp mà các nhóm đối tượng này hướng đến chủ yếu vào khâu chăm sóc và thưởng thức các sản phẩm ẩm thực địa phương từ các sản phẩm vừa thu hoạch tại chỗ. Tuy nhiên, du lịch nông nghiệp Cao Bằng vẫn còn một số hạn chế về giao thông, vị trí, cơ sở hạ tầng... Do đó, một số giải pháp được đề xuất để phát huy tiềm năng du lịch nông nghiệp tại Cao Bằng trong tương lai như việc các cơ quan quản lý ban hành kế hoạch phát triển du lịch nông nghiệp cụ thể; các công ty lữ hành, các doanh nghiệp du lịch phát triển các tuyến du lịch lồng ghép du lịch nông nghiệp; đa dạng hóa hình thức di chuyển đến các điểm đến du lịch nông nghiệp và cộng đồng dân cư tham gia phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp nghỉ dưỡng.

Từ khóa: Giải pháp, nhu cầu, du lịch nông nghiệp, Cao Bằng, Công viên Địa chất Toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch nông nghiệp (Agritourism) là một loại hình du lịch tạo ra sản phẩm du lịch phục vụ du khách chủ yếu dựa vào nền tảng của hoạt động sản xuất nông nghiệp, du khách được trải nghiệm trực tiếp các công việc của người nông dân như thu hoạch trái cây, trồng rau, nuôi gà và tham quan trang trại nông nghiệp hữu cơ. Du lịch nông nghiệp gắn liền với phát triển bền vững.

Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng (sau đây gọi là CVĐC Non nước Cao Bằng) bao gồm các huyện Hà Quảng, Trà Lĩnh, Quảng Uyên, Trùng Khánh, Hạ Lang, Phục Hòa và một phần diện tích của các huyện Hòa An, Nguyên Bình và Thạch An của tỉnh Cao Bằng. Công viên có

nhều tiềm năng để phát triển du lịch, trong đó có du lịch nông nghiệp. Các sản phẩm nông nghiệp đặc sản, đặc trưng của khu vực thu hút khách du lịch có thể kể đến như: Miến dong hương rừng, nấm hương, hạt dẻ Trùng Khánh,... Những sản phẩm này góp phần tạo nên chuỗi các sản phẩm nông nghiệp cung cấp cho việc phát triển nông nghiệp địa phương nói chung và du lịch nông nghiệp nói riêng [3].

Đối với một quốc gia nông nghiệp như Việt Nam thì phát triển du lịch nông nghiệp là xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, xu hướng phát triển này vẫn còn xa lạ đối với các cơ quan, công ty lữ hành lẫn du khách. Nhu cầu du lịch của du khách đến CVĐC Non nước Cao Bằng đang tăng trưởng khá nhanh và ngày càng đa dạng, đòi hỏi những tuyến mới lạ, nhưng thực tế chưa có tuyến du lịch nào mà du lịch nông nghiệp là loại hình trải nghiệm chính. Nhận thấy được tiềm năng cho loại hình du lịch này, nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá nhu cầu của du khách đến CVĐC Non nước Cao Bằng với mục đích chủ yếu là có cái nhìn tổng quan về nhu cầu đối với loại hình du lịch nông nghiệp, đây là cơ sở quan trọng để các bên liên quan (cộng đồng, cơ quan quản lý và doanh

¹ Trung tâm Nghiên cứu và Quy hoạch môi trường, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

² Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT

³ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

⁴ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

⁵ Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội

* Email: ngoctruongrpe@gmail.com

ngiệp) xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững gắn với CVĐC Non nước Cao Bằng.

2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu thu thập số liệu khảo sát bằng phương pháp chọn mẫu Slovin (1960) [2] thông qua

hình thức phỏng vấn trực tiếp và trực tuyến 400 người dân đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, khách du lịch (trong nước và quốc tế), đại diện chính quyền địa phương và chuyên gia.

Bảng 1. Thống kê mô tả dữ liệu nghiên cứu

STT	Biến quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn (Std. Deviation)	Tỷ phân vị		
				25	50	70
1	Giới tính	1,55	0,50	1,00	2,00	2,00
2	Tuổi	2,50	1,19	1,00	3,00	3,00
3	Trình độ học vấn	3,60	1,15	3,00	4,00	4,00
4	Nghề nghiệp	2,74	1,04	2,00	3,00	4,00
5	Thu nhập	2,92	1,37	2,00	3,00	3,00
6	Đến từ Cao Bằng	1,51	0,50	1,00	2,00	2,00
7	Đến từ các tỉnh khác	1,56	0,90	1,00	1,00	2,00

Đối tượng được khảo sát chủ yếu là nữ (55,25%), độ tuổi chủ yếu thuộc nhóm đối tượng từ 31-50 tuổi (32,25%) và nhóm dưới 20 tuổi (27,25%); trình độ học vấn chủ yếu ở mức THPT (31,00%), THCS (25,25%) và tiểu học (21,25%). Nghề nghiệp chủ yếu thuộc nhóm ngành công nghiệp – TTCN và xây dựng (37%) và nhóm khác chiếm 33,25% (như học sinh, sinh viên, người về hưu...). Mức thu nhập trung bình chủ yếu khoảng từ 3-7 triệu/tháng (chiếm 34%) và từ 10-15 triệu/tháng (chiếm 27,5%). 48,75% đối tượng được khảo sát sinh sống tại tỉnh Cao Bằng và 51,25% tới từ các địa phương khác (chủ yếu tới từ các tỉnh miền Bắc (chiếm 65,25%), khách du lịch tới từ miền Trung và miền Nam chiếm tỷ lệ nhỏ là 20,5%; do ảnh hưởng của dịch Covid – 19 nên khách du lịch là người nước ngoài khá ít chỉ chiếm 6,75%).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Sơ cấp: Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập tài liệu, số liệu thứ cấp liên quan đến nhu cầu du lịch nông nghiệp tại tỉnh Cao Bằng gắn với CVĐC Non nước Cao Bằng thông qua các nghiên cứu, tạp chí chuyên ngành, số liệu cung cấp của địa phương. Các dữ liệu được tổng hợp và phân tích nhằm đánh

Nguồn: Kết quả phân tích bằng phần mềm SPSS 22 giá được nhu cầu của khách du lịch đối với loại hình du lịch nông nghiệp tại tỉnh Cao Bằng.

- Thứ cấp: Nghiên cứu thu thập số liệu thứ cấp đánh giá nhu cầu du lịch nông nghiệp tại tỉnh Cao Bằng gắn với CVĐC Non nước Cao Bằng thông qua:

+ Phỏng vấn bằng bảng hỏi/phỏng vấn bán cấu trúc/phỏng vấn chuyên gia đối với khách du lịch (trong nước và quốc tế), người dân địa phương, đại diện chính quyền địa phương và các chuyên gia trong ngành. Bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 cấp độ nhu cầu: (1) Rất không có nhu cầu; (2) Không có nhu cầu; (3) Bình thường; (4) Có nhu cầu; (5) Rất có nhu cầu. Trong quá trình phỏng vấn có thể sử dụng câu hỏi mở để thảo luận sâu về vấn đề nghiên cứu đối với người được phỏng vấn.

+ Số mẫu điều tra: Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu theo Slovin (1960) với công thức như sau [2]:

$$n = \frac{N}{1 + Ne^2}$$

Trong đó: N là số lượng khách du lịch trung bình/tháng tại tỉnh Cao Bằng; e là sai số (Nghiên cứu lựa chọn e = 5% = 0,05); n là cỡ mẫu.

Bảng 2. Số lượng khách du lịch đến Cao Bằng giai đoạn 2016-2021

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Khách quốc tế	40.335	59.494	113.245	185.040	12.011	1.375
Khách nội địa	701.212	893.186	1.117.955	1.364.306	605.654	414.844
Tổng số	741.547	952.680	1.231.200	1.549.346	617.665	416.219

Đơn vị: Lượt khách

Nguồn: Sở văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng [4]

Áp dụng công thức chọn mẫu của Slovin (1960) [2], được cỡ mẫu khảo sát đánh giá nhu cầu du lịch nông nghiệp tỉnh Cao Bằng trên 398 mẫu. Trong nghiên cứu này, số lượng mẫu điều tra là 400 mẫu.

2.2.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Nghiên cứu sử dụng phần mềm Microsoft Excel để tổng hợp, xử lý số liệu sơ cấp và thứ cấp thu thập được bằng phần mềm SPSS.

2.2.2.1. Phương pháp phân tích thống kê mô tả

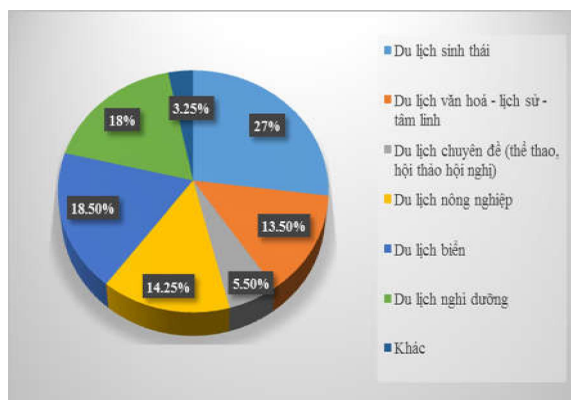
Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả từ dữ liệu sơ cấp và thứ cấp thu thập được về nhu cầu du lịch nông nghiệp tỉnh Cao Bằng gắn với CVĐC Non nước Cao Bằng thông qua các chỉ số (trung bình, độ lệch chuẩn, tứ phân vị). Qua đó thể hiện nhu cầu của khách du lịch đối với du lịch nông nghiệp tại tỉnh Cao Bằng.

2.2.2.2. Phân tích tương quan

Sử dụng phương pháp phân tích tương quan nhằm đo lường mối quan hệ giữa 2 yếu tố bất kỳ liên quan đến nhu cầu du lịch nông nghiệp Cao Bằng của khách du lịch nông nghiệp. Trong đó: Hệ số tương quan Pearson (r) đo lường mức độ tương quan giữa 2 biến, r nằm trong khoảng từ -1 đến +1. Nếu r càng gần về -1 hoặc 1 thì mối quan hệ càng chặt chẽ và ngược lại. Dấu (-) và (+) thể hiện mối quan hệ thuận chiều hay nghịch chiều. Hai biến có mối quan hệ tương quan khi thỏa mãn điều kiện: $\text{sig} < 0,05$ [1].

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hành vi của đối tượng nghiên cứu



Bảng 1. Loại hình du lịch ưa thích của các đối tượng được khảo sát

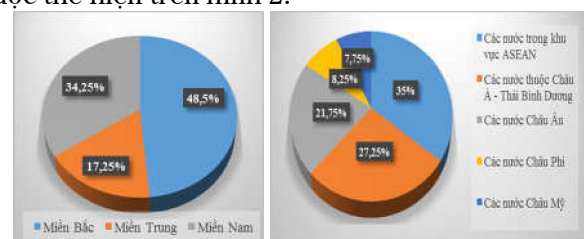
Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2022

Theo khảo sát, khoảng 45,25% ứng viên thỉnh thoảng đi du lịch 1 - 2 lần/năm; 31,75% đi đều đặn 1 lần/năm. Mức độ sẵn lòng chi trả đối với hoạt động

du lịch trong khoảng từ 5 - 10% thu nhập/năm/lần (chiếm 42,25%) và từ 1 - 5% thu nhập/năm/lần (chiếm 27,25%). Loại hình du lịch ưa thích của các nhóm đối tượng này chủ yếu là du lịch sinh thái (chiếm 27%), tiếp đến là du lịch biển (18,5%) và du lịch nghỉ dưỡng (18%); du lịch nông nghiệp đứng thứ tư chiếm khoảng 14,25%. Kết quả được thể hiện trên hình 1.

Khách du lịch biết đến du lịch tại tỉnh Cao Bằng chủ yếu thông qua internet (chiếm 40%), qua báo, tạp chí (19,75%) và thông qua bạn bè, đồng nghiệp (16,75%). Tỉnh Cao Bằng đã áp dụng nhiều phương thức quảng bá, xúc tiến hình ảnh thông qua website của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng, CVĐC Non nước Cao Bằng, mạng xã hội, kênh thông tin đại chúng.

Hình thức du lịch chủ yếu của khách du lịch là tự phát (67,25%). Trong trường hợp đặt tour, khách du lịch chủ yếu đặt tour thông qua internet (45,75%). Nguyên nhân do các tour du lịch tới Cao Bằng phát triển còn hạn chế. Khách du lịch nông nghiệp thường đi theo nhóm từ 11 người trở lên (28,25%), nhóm từ 5 - 10 người (27%) chủ yếu đi theo công ty, sinh hoạt ngoại khoá của nhà trường, học tập, dã ngoại...Nhu cầu du lịch nông nghiệp trong nước chủ yếu tại các tỉnh miền Bắc (48,5%) và miền Nam (34,25%). Nhu cầu du lịch nông nghiệp tại các địa điểm nước ngoài chủ yếu đến các nước trong khu vực ASEAN (35%) do vị trí gần, chi phí rẻ. Kết quả được thể hiện trên hình 2.



Hình 2. Nhu cầu du lịch nông nghiệp của khách du lịch tới các địa điểm trong nước và quốc tế

Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2022

3.2. Nhu cầu du lịch nông nghiệp ở Cao Bằng

Sau khi xử lý số liệu khảo sát bằng phần mềm SPSS, số liệu thống kê mô tả được trình bày ở bảng 3.

Nguyên nhân các ứng viên lựa chọn tỉnh Cao Bằng là địa điểm du lịch nông nghiệp chủ yếu do yếu tố ẩm thực (điểm trung bình 4,113); khí hậu, cảnh quan tươi đẹp (điểm trung bình 4,070); hình ảnh, video quảng bá du lịch hấp dẫn (điểm trung bình 4,050). Năm 2018, Công viên địa chất Non nước Cao Bằng được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu với diện tích hơn 3.071 km² (hơn 120 điểm di sản độc đáo, giá trị).

Bảng 3. Thống kê mô tả dữ liệu nhu cầu du lịch nông nghiệp Cao Bằng

TT	Biến quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Tứ phân vị			Xếp hạng
				25	50	75	
I	Thời gian du lịch						
1.	Theo mùa	3,853	0,915	3,000	4,000	4,000	1
2.	Dịp lễ, tết	3,740	0,997	3,000	4,000	4,000	4
3.	Cuối tuần	3,808	0,963	3,000	4,000	4,000	3
4.	Kỳ nghỉ hè	3,823	0,945	3,000	4,000	4,000	2
5.	Bất cứ khi nào	3,708	1,027	3,000	4,000	4,000	5
6.	Khác	3,673	1,060	3,000	4,000	4,000	6
II	Mục đích du lịch nông nghiệp						
1.	Vui chơi, giải trí, thư giãn	3,848	1,069	3,000	4,000	5,000	3
2.	Tham quan tìm hiểu và trải nghiệm các hoạt động nhà nông	3,895	1,089	3,000	4,000	5,000	1
3.	Đi công tác kết hợp du lịch	3,825	1,069	3,000	4,000	5,000	4
4.	Thăm người thân	3,570	0,947	3,000	4,000	4,000	5
5.	Học tập/nghiên cứu	3,873	1,212	3,000	4,000	5,000	2
6.	Khác	3,500	0,907	3,000	4,000	4,000	6
III	Nguyên lựa chọn du lịch nông nghiệp Cao Bằng						
1.	Vị trí gần	3,803	0,791	3,000	4,000	4,000	5
2.	Giao thông thuận lợi	3,580	0,771	3,000	4,000	4,000	6
3.	Khí hậu, cảnh quan tươi đẹp	4,070	0,923	4,000	4,000	5,000	2
4.	Văn hoá, con người	4,000	0,879	3,000	4,000	5,000	4
5.	Ẩm thực	4,113	0,904	4,000	4,000	5,000	1
6.	Hình ảnh, video quảng bá du lịch hấp dẫn	4,050	0,869	3,000	4,000	5,000	3
7.	Khác	3,563	0,876	3,000	3,000	4,000	7
IV	Phương tiện sử dụng						
1.	Xe máy	4,695	0,564	4,000	5,000	5,000	3
2.	Xe khách	4,773	0,481	5,000	5,000	5,000	1
3.	Xe ô tô cá nhân	4,750	0,518	5,000	5,000	5,000	2
V	Các hoạt động trải nghiệm du lịch nông nghiệp mong muốn						
1.	Tham gia các hoạt động chăm sóc (tưới cây, cho vật nuôi ăn, bón phân...)	3,990	0,931	3,000	4,000	5,000	3
2.	Tham quan các mô hình nông - lâm - ngư nghiệp, tìm hiểu cuộc sống của nhà nông	3,910	0,868	3,000	4,000	5,000	4
3.	Trải nghiệm các hoạt động thu hoạch (thu hoạch rau củ, trái cây, bắt gà...)	4,245	0,929	4,000	5,000	5,000	1
4.	Trải nghiệm nấu các món đặc sản địa phương bằng các nguyên liệu vừa thu hoạch tại vườn	4,145	0,955	3,250	4,000	5,000	2
5.	Mua quà tặng (rau củ, trái cây...) cho người thân, bạn bè, đồng nghiệp	3,833	0,873	3,000	4,000	4,000	5
6.	Trải nghiệm nghỉ dưỡng tại homestay,	3,740	0,842	3,000	4,000	4,000	7

TT	Biến quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Tứ phân vị			Xếp hạng
				25	50	75	
	nhà nghỉ, nhà sàn... tại vườn						
7.	Trải nghiệm một số hoạt động văn hoá (biểu diễn, ca nhạc...) của người dân tại vườn	3,793	0,867	3,000	4,000	4,000	6
8.	Khác	3,600	0,931	3,000	3,000	4,000	8
VI	Các điểm đến du lịch nông nghiệp mong muốn tại Cao Bằng						
1.	Khám phá vườn hạt dẻ huyện Trùng Khánh	3,413	0,922	3,000	3,000	4,000	3
2.	Trải nghiệm gặt lúa, bắt cá tại làng du lịch cộng đồng Khuổi Ky, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh	3,530	0,988	3,000	4,000	4,000	1
3.	Khám phá vườn quýt xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh	3,380	0,948	3,000	3,000	4,000	5
4.	Trải nghiệm nông nghiệp Kolia, xã Thành Công huyện Nguyên Bình	3,425	0,957	3,000	3,000	4,000	2
5.	Trải nghiệm vườn dâu tây, hái nho tại thành phố Cao Bằng	3,398	0,947	3,000	3,000	4,000	4
6.	Khác	3,340	0,939	3,000	3,000	4,000	6

Nguồn: Kết quả phân tích bằng phần mềm SPSS 22

Bảng 4. Phân tích tương quan giữa độ tuổi và mục đích đi du lịch nông nghiệp ở tỉnh Cao Bằng

TT	Biến quan sát	Độ tuổi	
		Hệ số tương quan Pearson	Sig. (2-tailed) ⁽¹⁾
	Độ tuổi	1	
1.	Vui chơi, giải trí, thư giãn	-0,225**	0,000
2.	Tham quan tìm hiểu và trải nghiệm các hoạt động nhà nông	-0,262**	0,000
3.	Đi công tác kết hợp du lịch	-0,392**	0,000
4.	Thăm người thân	-0,490**	0,000
5.	Học tập/nghiên cứu	-0,273**	0,000
6.	Khác	-0,128*	0,010

*Ghi chú: * Có ý nghĩa thống kê ở mức 5%; ** Có ý nghĩa thống kê ở mức 10%; ⁽¹⁾ Sig. (2-tailed): giá trị p-value cho kiểm định hai phía*

Mục đích đi du lịch chủ yếu của khách du lịch đến Cao Bằng chủ yếu để tham quan, tìm hiểu và trải nghiệm (3,895); học tập/nghiên cứu (3,873) và vui chơi, giải trí, thư giãn (3,848). Công viên địa chất toàn cầu Cao Bằng chủ yếu là địa hình Karst với hệ thống núi đá vôi và hang động kỳ thú, hệ thống sông, hồ thác nước và tài nguyên thiên nhiên phong phú tạo nên cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, đậm nét nguyên sơ. Du khách có thể tìm hiểu, khám phá, học tập thông qua tham quan các di tích lịch sử, cách mạng (Khu di tích Quốc gia Đặc biệt Pác Bó, khu di tích

Nguồn: Kết quả phân tích bằng phần mềm SPSS 22

Quốc gia Đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo), các khu du lịch (thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao, hồ Thằng Hen, VQG Phja Oắc – Phja Đén, khu du lịch sinh thái Kolia), làng du lịch cộng đồng (làng du lịch cộng đồng Pác Ràng, làng du lịch cộng đồng Khuổi Khon, làng du lịch cộng đồng Khuổi Ky; Hoài Khao), du lịch nông nghiệp, ẩm thực. Độ tuổi và mục đích đi du lịch nông nghiệp tại tỉnh Cao Bằng có mối quan hệ tương quan với nhau (sig < 0,05), tương quan âm. Khi độ tuổi càng cao, du khách sẽ hướng tới các hoạt động như vui chơi, giải trí, thư giãn; trải nghiệm nhớ lại các hoạt động nhà nông. Đối với các đối tượng nhỏ tuổi, mục

đích du lịch nông nghiệp chủ yếu thông qua các hoạt động ngoại khoá của nhà trường, kết hợp học tập giảng dạy, tìm hiểu hoạt động nông nghiệp.

Bảng 5. Tương quan giữa độ tuổi và thời gian mong muốn đi du lịch nông nghiệp tại tỉnh Cao Bằng

TT	Biến quan sát	Độ tuổi	
		Hệ số tương quan Pearson	Sig. (2-tailed) ⁽¹⁾
1	Độ tuổi	1	
2	Theo mùa	-0,249**	0,000
3	Dịp lễ, tết	-0,124*	0,013
4	Cuối tuần	-0,190**	0,000
5	Kỳ nghỉ hè	-0,201**	0,000
6	Bất cứ khi nào	-0,117*	0,019
7	Khác	-0,120*	0,016

*Ghi chú: * Có ý nghĩa thống kê ở mức 5%; ** Có ý nghĩa thống kê ở mức 10%; ⁽¹⁾ Sig. (2-tailed): giá trị p-value cho kiểm định hai phía*

Nguồn: Kết quả phân tích bằng phần mềm SPSS 22

Thời gian du lịch chủ yếu theo mùa (3,853); vào các kỳ nghỉ hè (3,823) và vào dịp cuối tuần (3,808). Nguyên nhân do tỉnh Cao Bằng nói chung và CVĐC Non nước Cao Bằng nói riêng có khí hậu mát mẻ, đặc biệt tại vùng Phja Oắc – Phja Đén, huyện Nguyên Bình (độ cao trên 1.200 m so với mực nước biển) có nhiệt độ từ 13 - 20°C thích hợp trồng các loại cây hoa vùng ôn đới, vào mùa đông còn xuất hiện hiện tượng băng tuyết (nhiệt độ giảm xuống khoảng -6°C) thu hút du khách đến nghỉ dưỡng, tham quan trải nghiệm. Bảng số liệu cho thấy yếu tố độ tuổi và thời gian mong muốn đi du lịch nông nghiệp có

tương quan với nhau, mối tương quan âm. Các đối tượng ở độ tuổi dưới 20 chủ yếu du lịch vào kỳ nghỉ hè hay bất cứ khi nào nhà trường tổ chức lịch sinh hoạt ngoại khoá du lịch nông nghiệp. Độ tuổi càng tăng thì du khách sẽ lựa chọn các dịp như kỳ nghỉ lễ, tranh thủ các ngày cuối tuần, có thể tùy theo mùa để du lịch do thời gian hạn chế hoặc phụ thuộc vào các yếu tố khác.

Phương tiện sử dụng của khách du lịch đi trải nghiệm du lịch nông nghiệp chủ yếu là đi xe khách (4,773) và ô tô cá nhân (4,750), ngoài ra du khách còn sử dụng xe máy làm phương tiện di chuyển (4,695). Các loại phương tiện khác như tàu hoả và máy bay hiện nay tại tỉnh Cao Bằng chưa có.

Theo khảo sát, các hoạt động du lịch nông nghiệp du khách mong muốn trải nghiệm nhiều nhất là trải nghiệm các hoạt động thu hoạch (thu hoạch rau củ, trái cây, bắt gà) (điểm trung bình 4,245), tiếp đến là hoạt động trải nghiệm nấu các món đặc sản địa phương bằng các nguyên liệu vừa thu hoạch tại vườn (4,145) và tham gia các hoạt động chăm sóc (tưới cây, cho vật nuôi ăn, bón phân) (3,990). Ngoài ra còn có các hoạt động như tham quan mô hình nông lâm ngư nghiệp, tìm hiểu cuộc sống nhà nông (3,910); mua quà tặng (rau củ, trái cây) cho người thân, bạn bè, đồng nghiệp (3,833); trải nghiệm một số hoạt động văn hoá của người dân tộc Dao, Nùng, Tày tại vườn (3,833) và nghỉ dưỡng tại homestay, nhà nghỉ, nhà sàn tại vườn (3,740). Độ tuổi và nhu cầu tham gia các hoạt động trải nghiệm du lịch nông nghiệp tại tỉnh Cao Bằng có mối tương quan với nhau.

Bảng 6. Tương quan giữa độ tuổi và hoạt động trải nghiệm du lịch nông nghiệp

TT	Biến quan sát	Độ tuổi	
		Hệ số tương quan Pearson	Sig. (2-tailed) ⁽¹⁾
1	Tham gia các hoạt động chăm sóc (tưới cây, cho vật nuôi ăn, bón phân)	-0,519**	0,000
2	Tham quan các mô hình nông - lâm - ngư nghiệp, tìm hiểu cuộc sống của nhà nông	-0,487**	0,000
3	Trải nghiệm các hoạt động thu hoạch (thu hoạch rau củ, trái cây, bắt gà)	-0,324**	0,000
4	Trải nghiệm nấu các món đặc sản địa phương bằng các nguyên liệu vừa thu hoạch tại vườn	-0,318**	0,000
5	Mua quà tặng (rau củ, trái cây) cho người thân, bạn bè,	-0,222**	0,000

TT	Biến quan sát	Độ tuổi	
		Hệ số tương quan Pearson	Sig. (2-tailed) ⁽¹⁾
	đồng nghiệp		
6	Trải nghiệm nghỉ dưỡng tại homestay, nhà nghỉ, nhà sàn tại vườn	-0,147**	0,003
7	Trải nghiệm một số hoạt động văn hoá (biểu diễn, ca nhạc) của người dân tại vườn	-0,219**	0,000
8	Khác	-0,281**	0,000

Ghi chú: ** Có ý nghĩa thống kê ở mức 10%; ⁽¹⁾ Sig. (2-tailed): giá trị p-value cho kiểm định hai phía

Khảo sát nhanh nhu cầu du lịch tại các điểm du lịch nông nghiệp hiện có ở tỉnh Cao Bằng cho thấy, trải nghiệm gặt lúa, bắt cá tại làng du lịch cộng đồng Khuổi Kỳ, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh có điểm trung bình cao nhất (3,530), tiếp đến là trải nghiệm tại khu du lịch sinh thái Kolia (3,425), ngoài ra là các điểm như khám phá vườn hạt dẻ huyện Trùng Khánh (3,413), trải nghiệm vườn dâu tây, hái nho tại thành phố Cao Bằng (3,380). Trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã phát triển một số mô hình du lịch nông nghiệp, từ đó làm đa dạng các sản phẩm du lịch, tăng sức hấp dẫn và tính liên kết, góp phần phát triển du lịch bền vững và quảng bá sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao thông qua chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

3.3. Đề xuất giải pháp phát triển du lịch nông nghiệp tỉnh Cao Bằng

Với những phân tích về nhu cầu du lịch nông nghiệp như trên, đã đề xuất một số giải pháp để phát triển du lịch nông nghiệp gắn với CVĐC Non nước Cao Bằng.

Thứ nhất, cơ quan quản lý cần ban hành kế hoạch phát triển du lịch nông nghiệp cụ thể, trong đó chú trọng phát triển du lịch nông nghiệp gắn với nét đẹp ẩm thực và văn hóa của các dân tộc thiểu số tại khu vực. Tận dụng ưu thế tự nhiên về khí hậu, ẩm thực để triển khai các mô hình du lịch nông nghiệp

Nguồn: Kết quả phân tích bằng phần mềm SPSS 22
hấp dẫn du khách như trải nghiệm các hoạt động chăm sóc, thu hoạch và nấu các món ăn địa phương tại chỗ. Đồng thời, kế hoạch phát triển du lịch nông nghiệp cần tập trung đến nhóm đối tượng chính có nhu cầu du lịch lớn tại địa phương như học sinh, sinh viên và nhóm đối tượng từ 31 - 50 tuổi.

Thứ hai, các công ty lữ hành, các doanh nghiệp du lịch cần phát triển các tuyến du lịch trong đó có lồng ghép sản phẩm du lịch nông nghiệp. Trên thực tế, các tuyến du lịch tại CVĐC Non nước Cao Bằng không nhiều, du khách đến với Cao Bằng hầu như chỉ mang tính tự phát, vì vậy cần có các tuyến du lịch để thu hút một lượng lớn du khách đến tham quan và trải nghiệm tại khu vực. Các tuyến du lịch sẽ tập trung vào một số điểm phát triển du lịch nông nghiệp nổi bật như làng du lịch cộng đồng Khuổi Kỳ, xã Đàm Thủy và khu du lịch sinh thái Kolia, xã Thành Công huyện Nguyên Bình và vườn hạt dẻ huyện Trùng Khánh.

Thứ ba, đa dạng hóa hình thức di chuyển đến các điểm đến du lịch nông nghiệp. Hiện nay, phương tiện di chuyển đến các điểm đến du lịch tại Cao Bằng chủ yếu là xe khách và phương tiện cá nhân, vì vậy cần có thêm nhiều phương tiện di chuyển xa như tàu hỏa, xe khách nhiều tiện ích, kết nối các điểm đến. Đồng thời, phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng cho phát triển du lịch giữa các huyện trong tỉnh và hệ thống giao thông kết nối với các địa phương khác trong

vùng để việc đi lại dễ dàng. Để giải pháp này được thực hiện hiệu quả cần có sự phối hợp của các bên liên quan bao gồm cơ quan quản lý trong việc ban hành các chính sách phát triển cơ sở hạ tầng và các doanh nghiệp vận tải liên kết với công ty lữ hành để triển khai các chuyến xe phù hợp.

Thứ tư, cộng đồng dân cư tham gia phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp nghỉ dưỡng. Để hoạt động này đạt được hiệu quả, cộng đồng cần tham gia một cách có tổ chức, bởi họ chính là chủ thể thu hút và phục vụ khách du lịch. Cộng đồng địa phương sẽ được tham gia các lớp tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm từ những mô hình phát triển thành công. Bên cạnh đó cần cân nhắc những yếu tố khác như tính gắn kết của các thành viên trong cộng đồng, thái độ của họ đối với du lịch, các phong tục tập quán và khả năng liên kết với các tuyến điểm và loại hình du lịch khác trong khu vực.

4. KẾT LUẬN

Nhu cầu du lịch nông nghiệp tại tỉnh Cao Bằng của du khách trong và ngoài nước khá đa dạng. Độ tuổi có nhu cầu trải nghiệm du lịch nông nghiệp chủ yếu là học sinh, sinh viên (dưới 20 tuổi) và từ 31-50 tuổi. Các nhóm đối tượng này mong muốn khám phá, tìm hiểu các quá trình sản xuất, thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp hoặc trải nghiệm lại các hoạt động thời thơ ấu.

So sánh tương quan giữa độ tuổi và các yếu tố liên quan đến du lịch nông nghiệp bằng phần mềm SPSS 22 cho thấy, lý do đi du lịch nông nghiệp Cao Bằng của du khách chủ yếu do các yếu tố về ẩm thực; khí hậu, cảnh quan tại Cao Bằng và hình ảnh, video quảng bá du lịch hấp dẫn. Tuy nhiên, yếu tố về giao thông và khoảng cách di chuyển khiến du khách có thể lựa chọn các điểm du lịch nông nghiệp khác thuận tiện du lịch ngắn ngày hơn. Thiếu đa dạng đối với các phương tiện di chuyển cũng là một trong những hạn chế ảnh hưởng đến du lịch nông

nghiệp tỉnh Cao Bằng. Các hoạt động như thu hoạch, nấu món đặc sản từ các nguyên liệu thu hoạch tại vườn, tham gia các hoạt động chăm sóc là những hoạt động trải nghiệm du lịch nông nghiệp mong muốn của du khách. Các điểm đến nổi bật về du lịch nông nghiệp tại Cao Bằng bao gồm làng du lịch cộng đồng Khuổi Kỳ, xã Đàm Thủy và khu du lịch sinh thái Kolia, xã Thành Công, huyện Nguyên Bình và vườn hạt dẻ huyện Trùng Khánh.

Do đó, để khắc phục một số hạn chế, một số giải pháp được khuyến nghị như có kế hoạch phát triển du lịch nông nghiệp cụ thể, phát triển các tuyến du lịch trong đó lồng ghép sản phẩm du lịch nông nghiệp, đa dạng hóa hình thức di chuyển đến các điểm đến du lịch nông nghiệp và kêu gọi sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là người dân địa phương vào phát triển du lịch nông nghiệp.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được thực hiện và hoàn thành nhờ sự hỗ trợ của đề tài: “Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển du lịch bền vững tỉnh Cao Bằng gắn với Công viên Địa chất Toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng”, mã số ĐTĐL.CN-34/20. Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Khắc Lịch, Cao Tấn Bình, Nguyễn Thế Kiên, Trương Thị Thanh Phượng (2020). *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế (với sự hỗ trợ của SPSS)*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Slovin, E. (1960). *Slovin's formula for sampling technique*. Retrieved on February, 13, 2013.
3. Trung tâm Văn hoá và Thông tin du lịch Cao Bằng (2020). *Cẩm nang du lịch Cao Bằng*, 64 trang.
4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng (2022). *Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của ngành các năm, từ năm 2016 đến năm 2021*.

**SOLUTIONS FOR DEVELOPMENT OF AGRITOURISM IN CAO BANG PROVINCE
ASSOCIATED WITH THE NON NUOC CAO BANG UNESCO GLOBAL GEOPARK**

**Phung Ngoc Truong^{1,*}, Ngo Huy Kien²,
Ngo Tran Quoc Khanh³, Vu Linh Chi⁴, Luu Thi Toan⁵**

¹ Center for Research and Environmental Planning

² National Institute of Agricultural Planning and Projection, DARD

³ VNU University of Science, VNU

⁴ VNU University of Economics & Business, VNU

School of Interdisciplinary Studies, VNU

**Email: ngoctruongrpe@gmail.com*

Summary

This study was conducted with the aim of proposing solutions from the assessment of agritourism's demand in Cao Bang province associated with the Non nuoc Cao Bang UNESCO Global Geopark by using a number of research methods including (1) Primary and secondary data collection methods; (2) Methods of data analysis and processing by statistical analysis methods describing mean, standard deviation, and quartiles; and correlation analysis method. The results show that the demand of agritourism in Cao Bang province is quite diverse. Subjects wanting to have agritourism experiences are mainly students and people aged between 31 and 50 who have a stable income. The agritourism activities that tourists participate are taking care of and enjoying local culinary products from products just harvested on the spot. However, agritourism in Cao Bang still has some limitations such as traffic, infrastructure... Therefore, a number of solutions are proposed to promote the potential of agritourism in Cao Bang in the future, including the issuance of specific agritourism development plans by the management agencies; development of tourist routes integrating agricultural tourism by travel agencies and tourism businesses; diversify forms of travel to agritourism destinations and participation of communities in developing agritourism products.

Keywords: *Sollutions, demand, agritourism, Cao Bang, Non nuoc Cao Bang UNESCO Global Geopark.*

Người phản biện: GS.TS. Nguyễn Văn Song

Ngày nhận bài: 25/4/2022

Ngày thông qua phản biện: 25/5/2022

Ngày duyệt đăng: 1/6/2022